**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC PHẢI ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP**

*(Kèm theo Quyết định số 11 /QĐ-CĐGTVT TW V ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V)*

**NGÀNH/NGHỀ:** **BẢO HỘ LAO ĐỘNG**
**TRÌNH ĐỘ:** **CAO ĐẲNG**
**MÃ NGÀNH/ NGHỀ:** **6850203**

**1. Giới thiệu chung về ngành nghề**

**Tên Tiếng Việt:** Bảo hộ lao động
**Tên Tiếng Anh:** Labour protection
**Trình độ đào tạo:** Cao đẳng
**Mã ngành nghề:** 6850203

Bảo hộ lao động trình độ Cao đẳng là ngành, nghề mà người hành nghề thực hiện biện pháp để bảo đảm an toàn và vệ sinh lao động cũng như trang bị các thiết bị an toàn cho người lao động, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Người hoạt động trong ngành, nghề này có thể làm việc ở nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau như: xây dựng, chế tạo, quản lý vận hành ...

Đặc điểm làm việc của ngành, nghề Bảo hộ lao động là làm việc theo tổ, đội, đảm bảo sức khoẻ và an toàn cho người lao động. Vì vậy, để hành nghề, người lao động phải có sức khoẻ, đạo đức nghề nghiệp tốt, có kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề đáp ứng vị trí công việc; thường xuyên học tập để nâng cao năng lực chuyên môn, rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chuẩn xác.

**2. Yêu cầu chung của ngành/nghề**

**2.1. Yêu cầu về kiến thức**

+ Có kiến thức cơ bản về tiếng Anh có thể hiểu những giao tiếp đơn giản về bằng tiếng Anh;

+ Có kiến thức phần mềm tin học văn phòng (word, excel, powerpoint) để có thể tự học tập nâng cao trình độ, qua đó tiếp thu được các kiến thức về khoa học, công nghệ mới qua sách vở, Internet và sử dụng khi cần trong công việc như huấn luyện hoặc thuyết trình;

+ Có kiến thức về pháp luật bảo hộ lao động;

+ Có kiến thức về tâm lý con người và nắm được phương pháp vận động theo hướng thích hợp;

+ Có kiến thức về các nguyên lý ecgônômi; có kiến thức về các tác hại

nghề nghiệp, điều kiện lao động;

+ Có kiến thức về những kỹ thuật an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ cơ bản; có kiến thức về sơ cấp cứu, tổ chức xử lý các tình huống khẩn cấp như tai nạn, sự cố;

+ Có kiến thức về tổ chức và quản lý sản xuất nói chung và quản lý về an toàn - vệ sinh lao động nói riêng;

+ Nắm được đặc tính kỹ thuật, qui trình công nghệ, nguyên lý làm việc của một số máy, thiết bị, công nghệ trong sản xuất.

**2.2. Yêu cầu về kỹ năng**

+ Đọc được những chỉ dẫn bằng tiếng anh đơn giản trên máy, thiết bị và tài liệu hướng dẫn sử dụng máy, thiết bị;

+ Sử dụng thành thạo phần mềm văn phòng (word, excel, powerpoint) và Internet trong công việc văn phòng;

+ Áp dụng đúng các qui định của pháp luật an toàn - vệ sinh lao động, các tiêu chuẩn quy chuẩn;

+ Lập được kế hoạch bảo hộ lao động, các báo cáo về bảo hộ lao động;

+ Hướng dẫn được người lao động những thao tác đảm bảo an toàn - vệ sinh lao động;

+ Thực hiện kiểm tra, giám sát công tác an toàn - vệ sinh lao động tại doanh nghiệp;

+ Đánh giá được mức độ hợp lý trong bố trí mặt bằng nơi sản xuất, vị trí làm việc và mức độ rủi ro ở nơi làm việc;

+ Phát hiện được các bất hợp lý trong hành trình thao tác sản phẩm, đề xuất các cải thiện;

+ Thực hiện các thao tác sơ cấp cứu cơ bản và hướng dẫn lao động khác;

+ Lập được phương án xử lý tình huống khẩn cấp, tổ chức diễn tập và xử lý tình huống khẩn cấp khi xảy ra;

+ Tổ chức các cuộc họp về an toàn - vệ sinh lao động;

+ Xây dựng được nội qui, qui chế, biện pháp làm việc đảm bảo an toàn - vệ sinh lao động nơi làm việc;

+ Biết tổ chức, vận động người lao động thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động.

**2.3. Mức độ tự chủ, chịu trách nhiệm**

+ Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;

+ Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

+ Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;

+ Có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức cộng đồng, tinh thần trách nhiệm tốt, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ Hợp lý, cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc;

+ Tinh thần hợp tác nhóm tốt, chủ động thực hiện công việc được giao và có tác phong công nghiệp;

+ Chấp hành nghiêm quy định về bảo hộ lao động, an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy;

+ Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

**3. Các năng lực của ngành/nghề**

| TT | Mã năng lực | Tên năng lực |
|---|---|---|
| **I** | **Năng lực cơ bản (chung)** | |
| 1 | NLCB-01 | Hiểu được chủ trương, đường lối của Đảng, chính sánh, pháp luật của Nhà nước từ đó góp phần tích cực vào cuộc cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; |
| 2 | NLCB-02 | Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về Nhà nước và hệ thống pháp luật của Nước Cộng hoà XHCN Việt Nam để sống, học tập và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; |
| 3 | NLCB-03 | Vận dụng được kiến thức cơ bản về thể dục thể thao vào việc tập luyện thể dục thể thao hàng ngày góp phần nâng cao sức khoẻ, tăng năng suất lao động để góp phần tích cực vào cuộc cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; |
| 4 | NLCB-04 | Hiểu được chủ trương, đường lối của Đảng, chính sánh, pháp luật cuật Nhà nước về công tác QPAN để sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống; |
| 5 | NLCB-05 | Vận dụng được các kỹ năng trong giao tiếp, thuyết trình, phỏng vấn, làm việc nhóm, tư duy sáng tạo, quản lý thời gian và lập kế hoạch,… nhằm giải quyết những vấn đề trong cuộc sống, học tập và công tác; |

| TT | Mã năng lực | Tên năng lực |
|---|---|---|
| 6 | NLCB-06 | Hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, … Xử lý hầu hết các tình huống xảy ra ở những nơi ngôn ngữ đó được sử dụng. Viết được đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, ước mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình"; |
| 7 | NLCB-07 | Nhận thức được tầm quan trọng của đạo đức nghề nghiệp trong cuộc sống, học tập và công tác.; rèn luyện và thực hành đạo đức nghề nghiệp hàng ngày để góp phần xây dựng môi trường sống, làm việc và xã hội văn minh, hiện đại, nghĩa tình; |
| 8 | NLCB-08 | Hiểu biết sâu rộng hơn về đất nước, con người, nền văn hoá của các nước nói tiếng Anh và của các quốc gia khác trên thế giới; hiểu và tôn trọng sự đa dạng của các nền văn hoá, đồng thời bước đầu phản ánh được giá trị nền văn hoá của Việt Nam bằng tiếng Anh; phát triển các phẩm chất yêu đất nước, con người, trung thực, nhân ái và có trách nhiệm với môi trường, cộng đồng; |
| 9 | NLCB-09 | Hiểu và sử dụng được các thiết bị máy tính, bộ phần mềm văn phòng Microsoft Office; Sử dụng được môi trường internet để tìm kiếm thông tin và khai thác tài nguyên học tập; đạt được một số nội dung trong chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông; |
| 10 | NLCB-10 | Trình bày được các kiến thức cơ bản về lái xe an toàn và thao tác được các bước kỹ thuật cơ bản khi lái xe. |
| **II** | **Năng lực cốt lõi (chuyên môn)** | |
| 11 | NLCL-01 | Biết được các khái niệm, nội dung cơ bản của công tác an toàn lao động (ATLĐ), vệ sinh lao động (VSLĐ); |
| 12 | NLCL-02 | Hệ thống hóa được các văn bản quy phạm pháp luật, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về ATLĐ, VSLĐ; |
| 13 | NLCL-03 | Hiểu rõ quyền lợi và trách nhiệm của người lao động và người sử dụng lao động trong công tác ATLĐ, VSLĐ…; |

| TT | Mã năng lực | Tên năng lực |
|---|---|---|
| 14 | NLCL-04 | Nêu được các yếu tố nguy hiểm trong an toàn lao động; |
| 15 | NLCL-05 | Nêu được các yếu tố có hại trong vệ sinh lao động; |
| 16 | NLCL-06 | Khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề; |
| 17 | NLCL-07 | Hệ thống được kiến thức cơ bản về mạch điện; |
| 18 | NLCL-08 | Trình bày được công dụng và phân loại các loại khí cụ điện; |
| 19 | NLCL-09 | Trình bày được sơ đồ và nguyên lý làm việc của các mạch điện tử cơ bản; |
| 20 | NLCL-10 | Tuân thủ đúng quy định về an toàn khi sử dụng thiết bị điện tử; |
| 21 | NLCL-11 | Trình bày được khái niệm cơ bản về kéo, nén, uốn, xoắn; |
| 22 | NLCL-12 | Trình bày được đầy đủ các khái niệm, các thông số cơ bản, các quá trình nhiệt động của môi chất; |
| 23 | NLCL-13 | Giải thích được cấu tạo và nguyên lý hoạt động của động cơ đốt trong; |
| 24 | NLCL-14 | Nhận dạng cấu tạo và nguyên lý hoạt động của các động cơ nhiệt trên ô tô; |
| 25 | NLCL-15 | Trình bày được vai trò, vị trí, tính chất của phương tiện bảo vệ cá nhân; |
| 26 | NLCL-16 | Trình bày được văn bản pháp quy về phương tiện bảo vệ cá nhân; |
| 27 | NLCL-17 | Tuân thủ đúng quy định, quy phạm về sử dụng và bảo quản các phương tiện bảo vệ lao động; |
| 28 | NLCL-18 | Trình bày được các định nghĩa về ecgônômi, nguyên tắc cơ bản, vai trò và nhiệm vụ của ecgônômi; |
| 29 | NLCL-19 | Trình bày được các tổn thương thường gặp liên quan đến ecgônômi; |
| 30 | NLCL-20 | Sơ cấp cứu kịp thời và đúng cách tại nơi xảy ra tai nạn nhằm cứu sống nạn nhân và phòng tránh được những tổn thương nghiêm trọng về sau; |
| 31 | NLCL-21 | Trình bày được mục đích, nguyên tắc và các bước cấp cứu ban đầu người bị nạn; |
| 32 | NLCL-22 | Trình bày được các biện pháp đề phòng thương vong hàng loạt; |

| TT | Mã năng lực | Tên năng lực |
|---|---|---|
| 33 | NLCL-23 | Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của kỹ thuật, chống ồn, chống rung trong sản xuất; |
| 34 | NLCL-24 | Hiểu rõ các yêu cầu của kỹ thuật chiếu sáng, chiếu sáng bên trong, chiếu sáng bên ngoài, chiếu sáng đường giao thông, đèn và chóa đèn, ...; |
| 35 | NLCL-25 | Trình bày được vai trò, vị trí, tính chất của biển báo hiệu và tín hiệu; |
| 36 | NLCL-26 | Hiểu và phân tích an toàn trong mạng điện đơn giản và mạng điện ba pha; |
| 37 | NLCL-27 | Trình bày được các kỹ thuật phòng chống cháy nổ; |
| 38 | NLCL-28 | Nhận dạng được các vấn đề kỹ thuật trong vận hành hệ thống xử lý nước hoặc kiểm soát ô nhiễm; |
| 39 | NLCL-29 | Trình bày đặc điểm, tính chất của các loại hoá chất độc hại; |
| 40 | NLCL-30 | Trình bày các biện pháp cải thiện điều kiện lao động; |
| 41 | NLCL-31 | Trình bày phương pháp ngăn ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp. |
| **III** | **Năng lực nâng cao** | |
| 42 | NLNC-01 | Đề xuất và áp dụng các biện pháp lao động hiệu quả vào các công việc thực tế; |
| 43 | NLNC-02 | Biết phân tích, lựa chọn các phương pháp tổ chức việc làm giúp tăng năng xuất lao động và đảm bảo về khỏe; |
| 44 | NLNC-03 | Lựa chọn đúng vật liệu và kết cấu các phương tiện bảo vệ lao động sao cho phù hợp với từng yêu cầu; |
| 45 | NLNC-04 | Trình bày được các biện pháp dự phòng tác hại của ecgônômi; |
| 46 | NLNC-05 | Giải thích được điều kiện lao động phải trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân; |
| 47 | NLNC-06 | Nhận dạng được đặc thù công việc để qua đó lựa chọn các phương tiện bảo vệ lao động sao cho phù hợp từng công việc; |
| 48 | NLNC-07 | Phát hiện, xử trí ban đầu và chuyển lên tuyến trên kịp thời và an toàn để điều trị những trường hợp cấp cứu; |
| 49 | NLNC-08 | Thiết kế hoặc thi công, giám sát thi công, vận hành các hệ thống xử lý rung, tiếng ồn, kỹ thuật giảm thiểu rung, tiếng ồn; |

| TT | Mã năng lực | Tên năng lực |
|---|---|---|
| 50 | NLNC-09 | Hiểu về các tính chất và thành phần trong không khí, ưu nhược điểm của thành phần, đặc điểm tính chất đó; |
| 51 | NLNC-10 | Phân tích, lựa chọn các thiết bị chiếu sáng công nghệ cao, sử dụng các phần mềm chiếu sáng hiện đại; |
| 52 | NLNC-11 | Bố trí các biển báo, tín hiệu sao cho đúng và phù hợp với điều kiện sản xuất; |
| 53 | NLNC-12 | Nhận biết được mối nguy hiểm do tai nạn về điện; |
| 54 | NLNC-13 | Tính toán được các nội dung liên quan đến nối đất bảo vệ và nối dây trung tính bảo vệ; |
| 55 | NLNC-14 | Biết cách phòng chống cháy nổ do điện và các biện pháp đảm bảo an toàn điện; |
| 56 | NLNC-15 | Hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng của các vụ cháy, nổ đến con người, môi trường và các công trình lân cận; |
| 57 | NLNC-16 | Phân tích được các nguyên nhân gây tai nạn lao động trong từng công việc cụ thể; |
| 58 | NLNC-17 | Thảo luận và phản biện về các vấn đề môi trường trong ngành nghề; |
| 59 | NLNC-18 | Biết thanh tra, kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động. |

**4. Khối lượng kiến thức tối thiểu của ngành/nghề**

Khối lượng kiến thức tối thiểu của ngành/nghề Bảo hộ lao động trình đô Cao đẳng là: 2130 giờ tương đương 79 tín chỉ.